TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**:** 49/2023/HNGĐ-ST Ngày: 26-6-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Đỗ Huy Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn T, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm nhà M, Khu phố MT, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Ông Lâm H, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/3/2023 nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà và ông Lâm T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng ngày 26/12/2016. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm

đến nhau cũng không có liên lạc với nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm H.

Bà và ông H có hai con chung là cháu Lâm V, sinh ngày 29/5/2017, cháu V đang sống chung với bà và cháu Lâm K, sinh ngày 10/02/2019, cháu K hiện nay đang sống chung với cha. Nên bà yêu cầu được nuôi cháu V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và giao cháu K cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Còn về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra do điều kiện đi lại quá xa nên bà yêu cầu được vắng mặt khi xét xử.

2/ Bị đơn ông Lâm H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Cho bà Nguyễn T được ly hôn với ông Lâm H; Về con chung: Giao con chung là cháu Lâm K cho ông Lâm H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Giao cháu Lâm V cho bà Nguyễn T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lâm H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm H và bà Nguyễn T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 26/12/2016 ông H và bà T là những người có

đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà T, theo bà T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau cũng không có liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Còn ông H đã được Tòa án thông báo về việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng đến khi mở phiên tòa cũng không có ý kiến trình bày. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà T đã không còn sự yêu thương dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục thể hiện qua việc ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay vẫn không thể hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Ông Lâm H và bà Nguyễn T có hai con chung là cháu Lâm V, sinh ngày 29/5/2017, cháu V đang sống chung với bà T; và cháu Lâm K, sinh ngày 10/02/2019, cháu K hiện nay đang sống chung với ông H. Bà T thì vẫn tiếp tục giao cháu K cho ông H nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Hai cháu V và K hiện nay đều chưa đủ 07 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*.." Do ông H không thể hiện ý kiến về việc nuôi con; ông H và bà T không thỏa thuận về việc nuôi con chung nhưng theo bà T trình bày thì từ khi ly thân đến nay thì bà T nuôi dưỡng cháu V còn ông H nuôi dưỡng cháu K cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục ổn định cho ông H nuôi cháu K còn bà T nuôi dưỡng cháu V để cho hai cháu được ổn định môi trường sống không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông H và bà T theo quy định của pháp luật. Từ đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn bà T.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án buộc bà Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006477 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T được ly hôn với ông Lâm H.

2/ Về con chung:

Giao cháu Lâm V, sinh ngày 29/5/2017 cho bà Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Lâm H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Lâm K, sinh ngày 10/02/2019 cho ông Lâm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Nguyễn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006477 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm H không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TX N;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng